

KẾT QUẢ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT MIỄN GIẢM HỌC PHẦN NĂM HỌC 2026 - 2027

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
1. Khoa: Công nghệ điện, điện tử										
1	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Điện tử cơ bản	4	Điện tử cơ bản	3	6,3	Được miễn giảm
2	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Thực tập điện tử	2	Thực hành điện tử cơ bản	2	9,6	Được miễn giảm
3	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Thực tập điện	1	Thực hành điện cơ bản	1	8,0	Được miễn giảm
2. Khoa: Công nghệ thông tin										
1	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Tin học đại cương	3	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	9,0	Được miễn giảm
2	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Cơ sở lập trình	4	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình TH Nguyên lý ngôn lập trình	2 2	6,1	Được miễn giảm
3	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Nhập môn tin học	3	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	9,5	Được miễn giảm
4	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Lập trình hướng đối tượng	4	Lập trình hướng đối tượng TH lập trình hướng đối tượng	2 1	6,1	Được miễn giảm
5	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Hệ điều hành	3	Hệ điều hành	3	7,5	Được miễn giảm
6	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Kiến trúc máy tính	3	Kiến trúc máy tính	3	9,4	Được miễn giảm
7	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Thiết kế web	3	Thiết kế web	3	5,7	Được miễn giảm
8	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Kỹ thuật lập trình	4	Kỹ thuật lập trình Thực hành kỹ thuật lập trình	2 1	5,6	Được miễn giảm
9	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Tin học ứng dụng	4	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	6,5	Được miễn giảm
3. Khoa: Du lịch và Ẩm thực										
1	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Kỹ năng giao tiếp	2	Kỹ năng giao tiếp	2	8,2	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
2	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Kỹ năng giao tiếp	2	Kỹ năng giao tiếp	2	7,9	Được miễn giảm
4. Khoa: Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh										
1	2004260003	Dương Quốc	An	26DHHH08	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
2	2004260003	Dương Quốc	An	26DHHH08	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
3	2004260003	Dương Quốc	An	26DHHH08	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
4	2004260003	Dương Quốc	An	26DHHH08	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
5	2004260004	Lâm Đào Quốc	An	26DHHH07	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
6	2004260004	Lâm Đào Quốc	An	26DHHH07	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
7	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Chứng nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
8	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Chứng nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
9	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Chứng nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
10	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Chứng nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	4	MT	Miễn HP4
11	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
12	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
13	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
14	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
15	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục thể chất 1 (Võ thuật)	2	Giáo dục thể chất 1 (Võ thuật)	2	8,8	Miễn GDTC1
16	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	6,6	Miễn GDTC2

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
17	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật)	1	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật)	1	6,2	Miễn GDTC3
18	2003260029	Bùi Thanh	Bình	26DHCK04	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
19	2003260029	Bùi Thanh	Bình	26DHCK04	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
20	2003260029	Bùi Thanh	Bình	26DHCK04	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
21	2003260029	Bùi Thanh	Bình	26DHCK04	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
22	2001260659	Nguyễn Phước	Dạng	26DHTH08	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
23	2001260659	Nguyễn Phước	Dạng	26DHTH08	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
24	2004260091	Nguyễn Ngọc	Duy	26DHHH08	Giấy chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
25	2004260091	Nguyễn Ngọc	Duy	26DHHH08	Giấy chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
26	2029250114	Võ Lý Anh	Đào	16DHAV05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
27	2029250114	Võ Lý Anh	Đào	16DHAV05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
28	2029250114	Võ Lý Anh	Đào	16DHAV05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
29	2029250114	Võ Lý Anh	Đào	16DHAV05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
30	2026260037	Phạm Quốc	Đạt	26DHVL02	Giấy xác nhận đã học GDQP		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
31	2026260037	Phạm Quốc	Đạt	26DHVL02	Giấy xác nhận đã học GDQP		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
32	2026260037	Phạm Quốc	Đạt	26DHVL02	Giấy xác nhận đã học GDQP		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
33	2040250044	Trần Thành	Đạt	16DHQTMK04	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
34	2026260037	Phạm Quốc	Đạt	26DHVL02	Giấy xác nhận đã học GDQP		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
35	2040250044	Trần Thành	Đạt	16DHQTMK04	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
36	2005260105	Nguyễn Võ Duy	Đức	26DHTP10	Bị bệnh hở động mạch chủ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
37	2005260105	Nguyễn Võ Duy	Đức	26DHTP10	Bị bệnh hở động mạch chủ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
38	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
39	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
40	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Bị bệnh hở van tim 3 lá, thông liên nhĩ lỗ nhỏ trái - phải		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
41	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
42	2029240124	Võ Lê Kim	Hoàng	15DHAV07	Bị bệnh hở van tim 3 lá, thông liên nhĩ lỗ nhỏ trái - phải		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
43	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	4	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	4	MT	Miễn HP4
44	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá)	2	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá)	2	6,2	Miễn GDTC1
45	2025260124	Nguyễn Quốc	Huy	26DHCDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
46	2025260124	Nguyễn Quốc	Huy	26DHCDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
47	2025260124	Nguyễn Quốc	Huy	26DHCDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
48	2025260124	Nguyễn Quốc	Huy	26DHCDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
49	2006230010	Lê Khắc	Kiên	14DHCBS	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
50	2006230010	Lê Khắc	Kiên	14DHCBS	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
51	2005260191	Đỗ Cao	Kỳ	26DHTP02	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
52	2005260191	Đỗ Cao	Kỳ	26DHTP02	Quyết định xuất ngũ		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
53	2004260227	Nguyễn Mậu	Kha	26DHHH03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
54	2004260227	Nguyễn Mậu	Kha	26DHHH03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
55	2004260227	Nguyễn Mậu	Kha	26DHHH03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
56	2004260227	Nguyễn Mậu	Kha	26DHHH03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
57	2033260106	Nguyễn Mạnh	Khang	26DHBM01	Giấy chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
58	2033260106	Nguyễn Mạnh	Khang	26DHBM01	Giấy chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
59	2047250084	Nguyễn Thanh Châu	Khanh	16DHQTCCU03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
60	2047250084	Nguyễn Thanh Châu	Khanh	16DHQTCCU03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
61	2047250084	Nguyễn Thanh Châu	Khanh	16DHQTCCU03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
62	2047250084	Nguyễn Thanh Châu	Khanh	16DHQTCCU03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
63	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP01	Giáo dục thể chất 1 (Thể hình)	2	Giáo dục thể chất 1 (Thể hình)	2	8,0	Miễn GDTC1
64	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTTP01	Giáo dục thể chất 2 (Thể hình)	2	Giáo dục thể chất 2 (Thể hình)	2	5,6	Miễn GDTC2
65	2001260240	Lương Đăng	Khoa	26DHTH10	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
66	2034260073	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	26DHNA03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
67	2001260240	Lương Đăng	Khoa	26DHTH10	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
68	2034260073	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	26DHNA03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
69	2001260240	Lương Đăng	Khoa	26DHTH10	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
70	2034260073	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	26DHNA03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
71	2001260240	Lương Đăng	Khoa	26DHTH10	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
72	2034260073	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	26DHNA03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
73	2006260117	Vương Thục	Khuê	26DHCBS02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
74	2006260117	Vương Thục	Khuê	26DHCBS02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
75	2006260117	Vương Thục	Khuê	26DHCBS02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
76	2006260117	Vương Thục	Khuê	26DHCBS02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
77	2001260282	Trần Huỳnh Bảo	Long	26DHTH07	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
78	2001260282	Trần Huỳnh Bảo	Long	26DHTH07	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
79	2001260282	Trần Huỳnh Bảo	Long	26DHTH07	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
80	2001260282	Trần Huỳnh Bảo	Long	26DHTH07	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
81	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
82	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
83	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
84	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
85	2040240204	Trần Thị Thanh	Mỹ	15DHMK01	HP1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
86	2040240204	Trần Thị Thanh	Mỹ	15DHMK01	HP2: Công tác Quốc phòng và An ninh	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
87	2040240204	Trần Thị Thanh	Mỹ	15DHMK01	HP3: Quân sự chung	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
88	2040240204	Trần Thị Thanh	Mỹ	15DHMK01	HP4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
89	2001260318	Nguyễn Duy	Nam	26DHTH09	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
90	2001260318	Nguyễn Duy	Nam	26DHTH09	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
91	2001260318	Nguyễn Duy	Nam	26DHTH09	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
92	2001260318	Nguyễn Duy	Nam	26DHTH09	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
93	2046260117	Nguyễn Phước Xuân	Nghi	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
94	2046260117	Nguyễn Phước Xuân	Nghi	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
95	2046260117	Nguyễn Phước Xuân	Nghi	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
96	2046260117	Nguyễn Phước Xuân	Nghi	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
97	2033260152	Trương Trần Vĩnh	Nghiêm	26DHBM02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
98	2033260152	Trương Trần Vĩnh	Nghiêm	26DHBM02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
99	2033260152	Trương Trần Vĩnh	Nghiêm	26DHBM02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
100	2033260152	Trương Trần Vĩnh	Nghiêm	26DHBM02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
101	2004260386	Diệp Uyên	Nhi	26DHHH01	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
102	2004260386	Diệp Uyên	Nhi	26DHHH01	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
103	2004260386	Diệp Uyên	Nhi	26DHHH01	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
104	2004260386	Diệp Uyên	Nhi	26DHHH01	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
105	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
106	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
107	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
108	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
109	2002260288	Đồng Hữu	Phúc	26DHDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
110	2046260162	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
111	2003260230	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHCK05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
112	2002260288	Đồng Hữu	Phúc	26DHDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
113	2046260162	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
114	2003260230	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHCK05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
115	2002260288	Đồng Hữu	Phúc	26DHDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
116	2046260162	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
117	2003260230	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHCK05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
118	2002260288	Đồng Hữu	Phúc	26DHDT02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
119	2046260162	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHCNTC04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
120	2003260230	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHCK05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
121	2022260211	Nguyễn Tăng Xuân	Quang	26DHDB04	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
122	2022260211	Nguyễn Tăng Xuân	Quang	26DHDB04	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
123	2022260211	Nguyễn Tăng Xuân	Quang	26DHDB04	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
124	2022260211	Nguyễn Tăng Xuân	Quang	26DHDB04	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
125	2047260301	Lý Hoàng Minh	Quân	26DHQTCCU05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
126	2047260301	Lý Hoàng Minh	Quân	26DHQTCCU05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
127	2047260301	Lý Hoàng Minh	Quân	26DHQTCCU05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
128	2047260301	Lý Hoàng Minh	Quân	26DHQTCCU05	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
129	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Võ (Vivonam, Karate, Taewondo) - HP1	0	Giáo dục thể chất 1 (Võ thuật)	2	7,0	Miễn GDTC1
130	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Võ (Vivonam, Karate, Taewondo) - HP2	0	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	5,0	Miễn GDTC2
131	2004260502	Nguyễn Hoài	Tâm	26DHHH03	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
132	2004260502	Nguyễn Hoài	Tâm	26DHHH03	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
133	2004260502	Nguyễn Hoài	Tâm	26DHHH03	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
134	2004260502	Nguyễn Hoài	Tâm	26DHHH03	Chứng nhận đã học GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
135	2001260490	Liêu Đức	Tân	26DHTH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
136	2001260490	Liêu Đức	Tân	26DHTH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
137	2001260490	Liêu Đức	Tân	26DHTH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
138	2001260490	Liêu Đức	Tân	26DHTH02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
139	2034260160	Thái Trọng	Tính	26DHNA02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
140	2034260160	Thái Trọng	Tính	26DHNA02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
141	2034260160	Thái Trọng	Tính	26DHNA02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
142	2034260160	Thái Trọng	Tính	26DHNA02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
143	2028250175	Đỗ Tiến	Thịnh	16DHDD	Bị bệnh u não		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Không Miễn giảm
144	2028250175	Đỗ Tiến	Thịnh	16DHDD	Bị bệnh u não		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Không Miễn giảm
145	2028250175	Đỗ Tiến	Thịnh	16DHDD	Bị bệnh u não		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
146	2028250175	Đỗ Tiến	Thịnh	16DHDD	Bị bệnh u não		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
147	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
148	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
149	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
150	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
151	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông)	2	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông)	2	8,2	Miễn GDTC1
152	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	7,6	Miễn GDTC2
153	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	1	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	1	8,0	Miễn GDTC3
154	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
155	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
156	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
157	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
158	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông)	2	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông)	2	6,2	Miễn GDTC1
159	2004260637	Phạm Thuỳ	Trang	26DHHH11	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
160	2004260637	Phạm Thuỳ	Trang	26DHHH11	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
161	2004260637	Phạm Thuỳ	Trang	26DHHH11	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
162	2004260637	Phạm Thuỳ	Trang	26DHHH11	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
163	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Giáo dục thể chất 1, 2, 3	5	Giáo dục thể chất 1, 2, 3	5	MT	Miễn GDTC1, GDTC2, GDTC3
164	2046240415	Phan Thị Kiều	Trinh	15DHCNTC07	Bị bệnh động kinh, não tổn thương, hạ kali		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Không Miễn giảm
165	2046240415	Phan Thị Kiều	Trinh	15DHCNTC07	Bị bệnh động kinh, não tổn thương, hạ kali		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Không Miễn giảm
166	2046240415	Phan Thị Kiều	Trinh	15DHCNTC07	Bị bệnh động kinh, não tổn thương, hạ kali		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
167	2046240415	Phan Thị Kiều	Trinh	15DHCNTC07	Bị bệnh động kinh, não tổn thương, hạ kali		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
168	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	Giấy xác nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
169	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	Giấy xác nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
170	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	Giấy xác nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
171	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	Giấy xác nhận hoàn thành Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
172	2005260637	Phạm Chí	Trung	26DHTP01	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
173	2005260637	Phạm Chí	Trung	26DHTP01	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
174	2005260637	Phạm Chí	Trung	26DHTP01	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
175	2005260637	Phạm Chí	Trung	26DHTP01	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
176	2008260409	Nguyễn Văn	Vinh	26DHS05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
177	2008260409	Nguyễn Văn	Vinh	26DHS05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
178	2008260409	Nguyễn Văn	Vinh	26DHS05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
179	2008260409	Nguyễn Văn	Vinh	26DHS05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
180	2022260301	Trần Huy	Vũ	26DHDB02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
181	2022260301	Trần Huy	Vũ	26DHDB02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
182	2022260301	Trần Huy	Vũ	26DHDB02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
183	2022260301	Trần Huy	Vũ	26DHDB02	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
184	2040250386	Nguyễn Thị Kiều	Vy	16DHQTMK01	Bị bệnh Lupus ban đỏ, loãng xương vô căn		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
185	2040250386	Nguyễn Thị Kiều	Vy	16DHQTMK01	Bị bệnh Lupus ban đỏ, loãng xương vô căn		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
186	2023232208	Ngô Nguyễn Thảo	Vy	14DHNH07	Giáo dục thể chất 1	2	Giáo dục thể chất 1	2	7,5	Miễn GDTC1
187	2023232208	Ngô Nguyễn Thảo	Vy	14DHNH07	Giáo dục thể chất 2	2	Giáo dục thể chất 2	2	7,0	Miễn GDTC3
188	2045260180	Hồ Quốc Thịnh	Thịnh	26DHKHDL01	Chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
189	2045260180	Hồ Quốc Thịnh	Thịnh	26DHKHD01	Chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
190	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1,5	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	1	8,8	Miễn GDTC3
191	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
192	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
193	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	2	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
194	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
195	2044260009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	26DHTMDT05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Miễn HP1
196	2044260009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	26DHTMDT05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Miễn HP2
197	2044260009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	26DHTMDT05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Miễn HP3
198	2044260009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	26DHTMDT05	Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Miễn HP4
199	2023260215	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyên	26DHNH03	Giáo dục thể chất 1 (Võ)	2	Giáo dục thể chất 1 (Võ)	2	7,8	Miễn GDTC1
5. Khoa: Khoa học ứng dụng										
1	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Giải tích và ứng dụng trong kinh tế	3	Giải tích và ứng dụng trong kinh tế	3	6,7	Được miễn giảm
2	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Giải tích và ứng dụng trong kỹ thuật - công nghệ	3	Giải tích và ứng dụng trong kỹ thuật - công nghệ	3	5,4	Được miễn giảm
3	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Logic học	2	Logic học	2	6,7	Được miễn giảm
4	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Xác suất thống kê và xử lý số liệu	3	Xác suất và thống kê	2	9,0	Được miễn giảm
5	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Xác suất và thống kê	3	Xác suất và thống kê trong sản xuất công nghệ kỹ thuật	2	9,4	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
6	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Đại số tuyến tính	3	Đại số tuyến tính	2	9,7	Được miễn giảm
7	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Giải tích	3	Giải tích	3	9,0	Được miễn giảm
8	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng	3	Xác suất và thống kê trong kinh tế, dịch vụ	2	6,0	Được miễn giảm

6. Khoa: Luật

1	2023232208	Ngô Nguyễn Thảo	Vy	14DHNH07	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	7,6	Được miễn giảm
2	2039240110	Nguyễn Minh	Khoa	15DHTQ06	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	7,1	Được miễn giảm
3	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	9,0	Được miễn giảm
4	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	8,1	Được miễn giảm
5	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	6,2	Được miễn giảm
6	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Luật thương mại quốc tế	3	Luật thương mại quốc tế	2	7,4	Được miễn giảm

7. Khoa: Lý luận chính trị

1	2034260160	Thái Trọng	Tính	26DHNA02	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,9	Được miễn giảm
2	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	5,1	Được miễn giảm
3	2034260073	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	26DHNA03	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	5,9	Được miễn giảm
4	2023232208	Ngô Nguyễn Thảo	Vy	14DHNH07	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,4	Được miễn giảm
5	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	9,0	Được miễn giảm
6	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,2	Được miễn giảm
7	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,9	Được miễn giảm
8	2046260193	Đào Nhật	Tân	26DHCNTC04	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,7	Được miễn giảm
9	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,3	Được miễn giảm
10	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,1	Được miễn giảm
11	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,5	Được miễn giảm
12	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,1	Được miễn giảm
13	2039240110	Nguyễn Minh	Khoa	15DHTQ06	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,8	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
14	2039240110	Nguyễn Minh	Khoa	15DHTQ06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,9	Được miễn giảm
15	2039240110	Nguyễn Minh	Khoa	15DHTQ06	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,0	Được miễn giảm
16	2039240110	Nguyễn Minh	Khoa	15DHTQ06	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,2	Được miễn giảm
17	2039240110	Nguyễn Minh	Khoa	15DHTQ06	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,0	Được miễn giảm
18	2046260117	Nguyễn Phước Xuân	Nghi	26DHCNTC04	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,7	Được miễn giảm
19	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,5	Được miễn giảm
20	2042226405	Phan Lê Hoài	Tuyên	13DHKTN02	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	5,8	Được miễn giảm
21	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,3	Được miễn giảm
22	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,5	Được miễn giảm
23	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	8,2	Được miễn giảm
24	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,1	Được miễn giảm
25	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,0	Được miễn giảm
26	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,4	Được miễn giảm
27	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,9	Được miễn giảm
28	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHHT01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,7	Được miễn giảm
29	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	8,4	Được miễn giảm
30	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6,9	Được miễn giảm
31	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6,4	Được miễn giảm
32	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,0	Được miễn giảm
33	2023260215	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyên	26DHNH03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	9,4	Được miễn giảm
34	2023260215	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyên	26DHNH03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,2	Được miễn giảm
35	2023260215	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyên	26DHNH03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,8	Được miễn giảm
36	2023260215	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyên	26DHNH03	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,4	Được miễn giảm
8. Khoa: Ngoại ngữ										
1	2005260004	Nguyễn Tường	An	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
2	2005260004	Nguyễn Tường	An	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
3	2005260004	Nguyễn Tường	An	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
4	2008260003	Lục Phạm Gia	An	26DHS01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
5	2008260003	Lục Phạm Gia	An	26DHS01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
6	2008260003	Lục Phạm Gia	An	26DHS01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
7	2030260006	Trần Gia	An	26DHQTDVNH02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
8	2030260006	Trần Gia	An	26DHQTDVNH02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
9	2030260006	Trần Gia	An	26DHQTDVNH02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
10	2042260003	Hoàng Phan Phúc	An	26DHKT01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
11	2042260003	Hoàng Phan Phúc	An	26DHKT01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
12	2042260003	Hoàng Phan Phúc	An	26DHKT01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
13	2045260003	Mai Tuyết	An	26DHKHDL01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
14	2045260003	Mai Tuyết	An	26DHKHDL01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
15	2045260003	Mai Tuyết	An	26DHKHDL01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
16	2002260016	Nguyễn Xuân Tuấn	Anh	26DHDT07	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
17	2002260016	Nguyễn Xuân Tuấn	Anh	26DHDT07	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
18	2002260016	Nguyễn Xuân Tuấn	Anh	26DHDT07	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
19	2005260012	Đặng Ngọc Châu	Anh	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
20	2005260012	Đặng Ngọc Châu	Anh	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
21	2005260012	Đặng Ngọc Châu	Anh	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
22	2007260020	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	26DHKT01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
23	2007260020	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	26DHKT01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
24	2007260020	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	26DHKT01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
25	2013260014	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	26DHQTKD02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
26	2013260014	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	26DHQTKD02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
27	2013260014	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	26DHQTKD02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
28	2022260017	Nguyễn Minh	Anh	26DHDB02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
29	2022260017	Nguyễn Minh	Anh	26DHDB02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
30	2022260017	Nguyễn Minh	Anh	26DHDB02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
31	2027260013	Võ Thị Ngọc	Anh	26DHCM01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
32	2027260013	Võ Thị Ngọc	Anh	26DHCM01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
33	2027260013	Võ Thị Ngọc	Anh	26DHCM01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
34	2028260011	Phạm Ngọc Anh	Anh	26DHDD02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
35	2028260011	Phạm Ngọc Anh	Anh	26DHDD02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
36	2028260011	Phạm Ngọc Anh	Anh	26DHDD02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
37	2030260014	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	26DHQTDVNH01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
38	2030260014	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	26DHQTDVNH01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
39	2030260014	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	26DHQTDVNH01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
40	2034260010	Trần Nguyễn Huỳnh	Anh	26DHNA01	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
41	2036260015	Nguyễn Minh	Anh	26DHKDQT04	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
42	2036260015	Nguyễn Minh	Anh	26DHKDQT04	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
43	2036260015	Nguyễn Minh	Anh	26DHKDQT04	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
44	2036260024	Trần Quỳnh	Anh	26DHKDQT06	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
45	2036260024	Trần Quỳnh	Anh	26DHKDQT06	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
46	2036260024	Trần Quỳnh	Anh	26DHKDQT06	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
47	2040260015	Ngô Quỳnh	Anh	26DHQTMK04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
48	2040260015	Ngô Quỳnh	Anh	26DHQTMK04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
49	2040260015	Ngô Quỳnh	Anh	26DHQTMK04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
50	2040260016	Nguyễn Phúc Thiên	Anh	26DHQTMK07	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
51	2040260016	Nguyễn Phúc Thiên	Anh	26DHQTMK07	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
52	2040260016	Nguyễn Phúc Thiên	Anh	26DHQTMK07	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
53	2044260012	Vũ Hồ Phương	Anh	26DHTMDT07	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
54	2044260012	Vũ Hồ Phương	Anh	26DHTMDT07	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
55	2044260012	Vũ Hồ Phương	Anh	26DHTMDT07	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
56	2047260009	Lê Thị Ngọc	Anh	26DHQTCCU05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
57	2047260009	Lê Thị Ngọc	Anh	26DHQTCCU05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
58	2047260009	Lê Thị Ngọc	Anh	26DHQTCCU05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
59	2047260018	Nguyễn Việt	Anh	26DHQTCCU02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
60	2047260018	Nguyễn Việt	Anh	26DHQTCCU02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
61	2047260018	Nguyễn Việt	Anh	26DHQTCCU02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
62	2047260022	Trần Đào Huyền	Anh	26DHQTCCU01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
63	2047260022	Trần Đào Huyền	Anh	26DHQTCCU01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
64	2047260022	Trần Đào Huyền	Anh	26DHQTCCU01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
65	2049260013	Trần Ngọc Phương	Anh	26DHLUAT03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
66	2049260013	Trần Ngọc Phương	Anh	26DHLUAT03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
67	2049260013	Trần Ngọc Phương	Anh	26DHLUAT03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
68	2051260009	Tôn Thất Khang	Anh	26DHQLCN02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
69	2051260009	Tôn Thất Khang	Anh	26DHQLCN02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
70	2051260009	Tôn Thất Khang	Anh	26DHQLCN02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
71	2026260006	Nguyễn Thiên	Ân	26DHVL03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
72	2026260006	Nguyễn Thiên	Ân	26DHVL03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
73	2026260006	Nguyễn Thiên	Ân	26DHVL03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
74	2007260046	Phan Hữu	Bách	26DHKT03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
75	2007260046	Phan Hữu	Bách	26DHKT03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
76	2007260046	Phan Hữu	Bách	26DHKT03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
77	2047260032	Nguyễn Hoàng	Bách	26DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
78	2047260032	Nguyễn Hoàng	Bách	26DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
79	2047260032	Nguyễn Hoàng	Bách	26DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
80	2001260049	Trương Lê Quang	Bảo	26DHTH02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
81	2001260049	Trương Lê Quang	Bảo	26DHTH02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
82	2001260049	Trương Lê Quang	Bảo	26DHTH02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
83	2002260028	Nguyễn Duy	Bảo	26DHDT04	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
84	2002260028	Nguyễn Duy	Bảo	26DHDT04	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
85	2002260028	Nguyễn Duy	Bảo	26DHDT04	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
86	2022260031	Trần Gia	Bảo	26DHDB01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
87	2022260031	Trần Gia	Bảo	26DHDB01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
88	2022260031	Trần Gia	Bảo	26DHDB01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
89	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	7,1	Được miễn giảm
90	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Anh văn 2	3	Anh văn 2	2	8,7	Được miễn giảm
91	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Anh văn 3	3	Anh văn 3	2	6,3	Được miễn giảm
92	2033260017	Đặng Trần Quốc	Bảo	26DHBM04	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
93	2033260017	Đặng Trần Quốc	Bảo	26DHBM04	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
94	2033260017	Đặng Trần Quốc	Bảo	26DHBM04	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
95	2047260035	Mai Quốc	Bảo	26DHQTCCU05	IELTS 7,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
96	2047260035	Mai Quốc	Bảo	26DHQTCCU05	IELTS 7,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
97	2047260035	Mai Quốc	Bảo	26DHQTCCU05	IELTS 7,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
98	2047260036	Nguyễn Gia	Bảo	26DHQTCCU02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
99	2047260036	Nguyễn Gia	Bảo	26DHQTCCU02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
100	2047260036	Nguyễn Gia	Bảo	26DHQTCCU02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
101	2050260011	Đoàn Triệu	Bảo	26DHTTNT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
102	2050260011	Đoàn Triệu	Bảo	26DHTTNT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
103	2050260011	Đoàn Triệu	Bảo	26DHTTNT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
104	2050260012	Lăng Gia	Bảo	26DHTTNT02	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
105	2050260012	Lăng Gia	Bảo	26DHTTNT02	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
106	2050260012	Lăng Gia	Bảo	26DHTTNT02	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
107	2050260013	Lê Gia	Bảo	26DHTTNT01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
108	2050260013	Lê Gia	Bảo	26DHTTNT01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
109	2050260013	Lê Gia	Bảo	26DHTTNT01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
110	2013260041	Phạm Khánh	Băng	26DHQTKD02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
111	2013260041	Phạm Khánh	Băng	26DHQTKD02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
112	2013260041	Phạm Khánh	Băng	26DHQTKD02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
113	2046260023	Mai Việt	Cường	26DHCNTC01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
114	2046260023	Mai Việt	Cường	26DHCNTC01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
115	2046260023	Mai Việt	Cường	26DHCNTC01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
116	2007260059	Lý Kim	Châu	26DHKT08	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
117	2007260059	Lý Kim	Châu	26DHKT08	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
118	2007260059	Lý Kim	Châu	26DHKT08	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
119	2031260022	Phạm Quỳnh	Châu	26DHQLMT01	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
120	2040260043	Huỳnh Mỹ	Châu	26DHQTMK01	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
121	2027260019	Huỳnh Ngọc Phương	Chi	26DHCM01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
122	2027260019	Huỳnh Ngọc Phương	Chi	26DHCM01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
123	2027260019	Huỳnh Ngọc Phương	Chi	26DHCM01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
124	2050260019	Đặng Thành	Danh	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
125	2050260019	Đặng Thành	Danh	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
126	2050260019	Đặng Thành	Danh	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
127	2047260050	Bùi Thị	Diễm	26DHQTCCU01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
128	2047260050	Bùi Thị	Diễm	26DHQTCCU01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
129	2047260050	Bùi Thị	Diễm	26DHQTCCU01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
130	2013260064	Hà Phi	Doanh	26DHQTKD03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
131	2013260064	Hà Phi	Doanh	26DHQTKD03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
132	2013260064	Hà Phi	Doanh	26DHQTKD03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
133	2008260049	Huỳnh Anh	Dũng	26DHS06	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
134	2008260049	Huỳnh Anh	Dũng	26DHS06	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
135	2008260049	Huỳnh Anh	Dũng	26DHS06	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
136	2050260022	Trần Trung	Dũng	26DHTTNT01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
137	2050260022	Trần Trung	Dũng	26DHTTNT01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
138	2050260022	Trần Trung	Dũng	26DHTTNT01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
139	2047260057	Hà An Bảo	Duy	26DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
140	2047260057	Hà An Bảo	Duy	26DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
141	2047260057	Hà An Bảo	Duy	26DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
142	2007260079	Nguyễn Ngọc Khánh	Duyên	26DHKT06	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
143	2007260079	Nguyễn Ngọc Khánh	Duyên	26DHKT06	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
144	2007260079	Nguyễn Ngọc Khánh	Duyên	26DHKT06	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
145	2032260039	Nguyễn Chí	Dương	26DHTDH02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
146	2032260039	Nguyễn Chí	Dương	26DHTDH02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
147	2032260039	Nguyễn Chí	Dương	26DHTDH02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
148	2005260088	Võ Ngọc Linh	Đan	26DHTP03	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
149	2005260088	Võ Ngọc Linh	Đan	26DHTP03	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
150	2005260088	Võ Ngọc Linh	Đan	26DHTP03	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
151	2008260057	Nguyễn Ngọc Khánh	Đan	26DHS01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
152	2008260057	Nguyễn Ngọc Khánh	Đan	26DHS01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
153	2008260057	Nguyễn Ngọc Khánh	Đan	26DHS01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
154	2002260085	Trần Hùng	Đạt	26DHDT03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
155	2002260085	Trần Hùng	Đạt	26DHDT03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
156	2002260085	Trần Hùng	Đạt	26DHDT03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
157	2002260090	Vũ Thành	Đạt	26DHDT01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
158	2002260090	Vũ Thành	Đạt	26DHDT01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
159	2002260090	Vũ Thành	Đạt	26DHDT01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
160	2038260058	Trương Thành	Đạt	26DHQTKS01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
161	2038260058	Trương Thành	Đạt	26DHQTKS01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
162	2038260058	Trương Thành	Đạt	26DHQTKS01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
163	2044260057	Nguyễn Thành	Đạt	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
164	2044260057	Nguyễn Thành	Đạt	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
165	2044260057	Nguyễn Thành	Đạt	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
166	2002260092	Lê Phan Hoàng	Đăng	26DHDT03	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
167	2002260092	Lê Phan Hoàng	Đăng	26DHDT03	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
168	2002260092	Lê Phan Hoàng	Đăng	26DHDT03	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
169	2004260117	Lương Ngọc Hải	Đăng	26DHHH08	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
170	2004260117	Lương Ngọc Hải	Đăng	26DHHH08	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
171	2004260117	Lương Ngọc Hải	Đăng	26DHHH08	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
172	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Anh văn 1	2	Anh văn 1	2	8,3	Được miễn giảm
173	2008260066	Đào Xuân Châu	Giang	26DHS02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
174	2008260066	Đào Xuân Châu	Giang	26DHS02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
175	2008260066	Đào Xuân Châu	Giang	26DHS02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
176	2034260038	Bùi Đoàn Hương	Giang	26DHNA03	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
177	2034260038	Bùi Đoàn Hương	Giang	26DHNA03	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
178	2034260038	Bùi Đoàn Hương	Giang	26DHNA03	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
179	2038260064	Phạm Nguyễn Hương	Giang	26DHQTKS05	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
180	2038260064	Phạm Nguyễn Hương	Giang	26DHQTKS05	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
181	2038260064	Phạm Nguyễn Hương	Giang	26DHQTKS05	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
182	2037260054	Nguyễn Trần Thu	Hà	26DHKTL01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
183	2037260054	Nguyễn Trần Thu	Hà	26DHKTL01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
184	2037260054	Nguyễn Trần Thu	Hà	26DHKTL01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
185	2007260113	Lê Hoàng Trung	Hải	26DHKT05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
186	2007260113	Lê Hoàng Trung	Hải	26DHKT05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
187	2007260113	Lê Hoàng Trung	Hải	26DHKT05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
188	2047260093	Nguyễn Thị Thu	Hằng	26DHQTCCU02	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
189	2007260122	Nguyễn Ngọc	Hân	26DHKT02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
190	2007260122	Nguyễn Ngọc	Hân	26DHKT02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
191	2007260122	Nguyễn Ngọc	Hân	26DHKT02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
192	2007260127	Trương Thái Bảo	Hân	26DHKT02	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
193	2022260073	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	26DHDB01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
194	2022260073	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	26DHDB01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
195	2022260073	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	26DHDB01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
196	2036260071	Lâm Ngọc	Hân	26DHKDQT04	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
197	2036260071	Lâm Ngọc	Hân	26DHKDQT04	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
198	2036260071	Lâm Ngọc	Hân	26DHKDQT04	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
199	2044260087	Vòng Ngọc	Hân	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
200	2044260087	Vòng Ngọc	Hân	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
201	2044260087	Vòng Ngọc	Hân	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
202	2046260048	Châu Nguyễn Bảo	Hân	26DHCNTC01	IELTS 3,5		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
203	2047260096	Đinh Ngọc Gia	Hân	26DHQTCCU05	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
204	2047260096	Đinh Ngọc Gia	Hân	26DHQTCCU05	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
205	2047260096	Đinh Ngọc Gia	Hân	26DHQTCCU05	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
206	2001260147	Nguyễn Trung	Hậu	26DHTH09	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
207	2001260147	Nguyễn Trung	Hậu	26DHTH09	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
208	2001260147	Nguyễn Trung	Hậu	26DHTH09	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
209	2023260099	Phan Thanh	Hiền	26DHNH05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
210	2023260099	Phan Thanh	Hiền	26DHNH05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
211	2023260099	Phan Thanh	Hiền	26DHNH05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	5,5	Được miễn giảm
212	2040260098	Trịnh Nguyễn Thanh	Hiền	26DHQTMK02	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
213	2025260092	Thích Chí	Hiền	26DHCDT05	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
214	2037260070	Phan Thanh	Hiếu	26DHKTL04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
215	2037260070	Phan Thanh	Hiếu	26DHKTL04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
216	2037260070	Phan Thanh	Hiếu	26DHKTL04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
217	2044260093	Nguyễn Tấn Ngọc	Hiếu	26DHTMDT04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
218	2044260093	Nguyễn Tấn Ngọc	Hiếu	26DHTMDT04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
219	2044260093	Nguyễn Tấn Ngọc	Hiếu	26DHTMDT04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
220	2047260110	Lê Đức	Hiếu	26DHQTCCU04	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
221	2047260110	Lê Đức	Hiếu	26DHQTCCU04	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
222	2047260110	Lê Đức	Hiếu	26DHQTCCU04	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
223	2047260111	Trương Minh	Hiếu	26DHQTCCU05	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
224	2047260111	Trương Minh	Hiếu	26DHQTCCU05	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
225	2047260111	Trương Minh	Hiếu	26DHQTCCU05	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
226	2026260052	Trần Minh	Hòa	26DHVL01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
227	2026260052	Trần Minh	Hòa	26DHVL01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
228	2026260052	Trần Minh	Hòa	26DHVL01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
229	2006250010	Lê Hữu	Hoàng	16DHCBS01	Anh văn 1	2	Anh văn 1	2	4,5	Được miễn giảm
230	2025260102	Nguyễn	Hoàng	26DHCDT03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
231	2025260102	Nguyễn	Hoàng	26DHCDT03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
232	2025260102	Nguyễn	Hoàng	26DHCDT03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
233	2037260077	Vũ Lê Thái	Hoàng	26DHKTL01	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
234	2037260077	Vũ Lê Thái	Hoàng	26DHKTL01	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
235	2037260077	Vũ Lê Thái	Hoàng	26DHKTL01	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
236	2004260187	Nguyễn Thanh	Hùng	26DHHH01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
237	2004260187	Nguyễn Thanh	Hùng	26DHHH01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
238	2004260187	Nguyễn Thanh	Hùng	26DHHH01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
239	2002260140	Nguyễn Tuấn	Huy	26DHDT07	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
240	2002260140	Nguyễn Tuấn	Huy	26DHDT07	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
241	2002260140	Nguyễn Tuấn	Huy	26DHDT07	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
242	2003260111	Lê Anh	Huy	26DHCK01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
243	2003260111	Lê Anh	Huy	26DHCK01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
244	2003260111	Lê Anh	Huy	26DHCK01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
245	2003260113	Nguyễn Gia	Huy	26DHCK04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
246	2003260113	Nguyễn Gia	Huy	26DHCK04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
247	2003260113	Nguyễn Gia	Huy	26DHCK04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
248	2013260141	Hoàng Phạm Gia	Huy	26DHQTKD04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
249	2013260141	Hoàng Phạm Gia	Huy	26DHQTKD04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
250	2013260141	Hoàng Phạm Gia	Huy	26DHQTKD04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
251	2013260149	Tăng Hoàng Minh	Huy	26DHQTKD06	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
252	2013260149	Tăng Hoàng Minh	Huy	26DHQTKD06	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
253	2013260149	Tăng Hoàng Minh	Huy	26DHQTKD06	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
254	2025260117	Nguyễn Bá Quang	Huy	26DHCDT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
255	2025260117	Nguyễn Bá Quang	Huy	26DHCDT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
256	2025260117	Nguyễn Bá Quang	Huy	26DHCDT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
257	2025260140	Võ Thanh	Huy	26DHCDT02	IELTS 8,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
258	2025260140	Võ Thanh	Huy	26DHCDT02	IELTS 8,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
259	2025260140	Võ Thanh	Huy	26DHCDT02	IELTS 8,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
260	2005260176	Nguyễn Như	Huỳnh	26DHTP09	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
261	2005260176	Nguyễn Như	Huỳnh	26DHTP09	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
262	2005260176	Nguyễn Như	Huỳnh	26DHTP09	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
263	2023260111	Lê	Huỳnh	26DHNH05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
264	2023260111	Lê	Huỳnh	26DHNH05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
265	2023260111	Lê	Huỳnh	26DHNH05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
266	2040260122	Lê Gia	Hưng	26DHQTMK03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
267	2040260122	Lê Gia	Hưng	26DHQTMK03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
268	2040260122	Lê Gia	Hưng	26DHQTMK03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
269	2047260139	Trần Thái	Hưng	26DHQTCCU02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
270	2047260139	Trần Thái	Hưng	26DHQTCCU02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
271	2047260139	Trần Thái	Hưng	26DHQTCCU02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
272	2023260119	Vũ Hạnh Thiên	Hương	26DHNH06	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
273	2023260119	Vũ Hạnh Thiên	Hương	26DHNH06	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
274	2023260119	Vũ Hạnh Thiên	Hương	26DHNH06	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
275	2040260124	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
276	2040260124	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
277	2040260124	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
278	2040260125	Nguyễn Thu	Hương	26DHQTMK04	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
279	2040260125	Nguyễn Thu	Hương	26DHQTMK04	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
280	2040260125	Nguyễn Thu	Hương	26DHQTMK04	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
281	2047260142	Nguyễn Thị Thu	Hương	26DHQTCCU02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
282	2047260142	Nguyễn Thị Thu	Hương	26DHQTCCU02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
283	2047260142	Nguyễn Thị Thu	Hương	26DHQTCCU02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
284	2009260044	Võ Học	Hữu	26DHMT01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
285	2009260044	Võ Học	Hữu	26DHMT01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
286	2009260044	Võ Học	Hữu	26DHMT01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
287	2001260204	Cao Tuấn	Kiệt	26DHTH07	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
288	2001260204	Cao Tuấn	Kiệt	26DHTH07	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
289	2001260204	Cao Tuấn	Kiệt	26DHTH07	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
290	2036260104	Cai Trần Tuấn	Kiệt	26DHKDQT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
291	2036260104	Cai Trần Tuấn	Kiệt	26DHKDQT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
292	2036260104	Cai Trần Tuấn	Kiệt	26DHKDQT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
293	2036260106	Võ Văn Anh	Kiệt	26DHKDQT06	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
294	2036260106	Võ Văn Anh	Kiệt	26DHKDQT06	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
295	2036260106	Võ Văn Anh	Kiệt	26DHKDQT06	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
296	2008260116	Lê Hoàng	Kim	26DHSH06	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
297	2008260116	Lê Hoàng	Kim	26DHSH06	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
298	2008260116	Lê Hoàng	Kim	26DHSH06	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
299	2001260218	Huỳnh Tuấn	Khải	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
300	2001260218	Huỳnh Tuấn	Khải	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
301	2001260218	Huỳnh Tuấn	Khải	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
302	2005260194	Nguyễn Lê Tấn	Khải	26DHTP02	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
303	2025260161	Trần Quang	Khải	26DHCDT04	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
304	2025260161	Trần Quang	Khải	26DHCDT04	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
305	2025260161	Trần Quang	Khải	26DHCDT04	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
306	2026260066	Lê Nguyên	Khang	26DHVL02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
307	2026260066	Lê Nguyên	Khang	26DHVL02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
308	2026260066	Lê Nguyên	Khang	26DHVL02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
309	2040260138	Lưu Nguyên	Khang	26DHQTMK02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
310	2040260138	Lưu Nguyên	Khang	26DHQTMK02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
311	2040260138	Lưu Nguyên	Khang	26DHQTMK02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
312	2041260064	Hồ Phạm An	Khang	26DHQTP03	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
313	2041260064	Hồ Phạm An	Khang	26DHQTP03	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
314	2041260064	Hồ Phạm An	Khang	26DHQTP03	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
315	2050260048	Lê Hoàng	Khang	26DHTTNT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
316	2050260048	Lê Hoàng	Khang	26DHTTNT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
317	2050260048	Lê Hoàng	Khang	26DHTTNT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
318	2050260049	Phan Tuấn	Khang	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
319	2050260049	Phan Tuấn	Khang	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
320	2050260049	Phan Tuấn	Khang	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
321	2041240077	Võ Tuấn	Khanh	15DHQTP01	Anh văn 2	3	Anh văn 2	2	8,3	Được miễn giảm
322	2001260230	Nguyễn Phùng Nam	Khánh	26DHTH02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
323	2001260230	Nguyễn Phùng Nam	Khánh	26DHTH02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
324	2001260230	Nguyễn Phùng Nam	Khánh	26DHTH02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
325	2023260137	Phạm Minh	Khánh	26DHNH03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
326	2023260137	Phạm Minh	Khánh	26DHNH03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
327	2023260137	Phạm Minh	Khánh	26DHNH03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
328	2002260188	Đặng Phạm Đăng	Khoa	26DHDT06	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
329	2002260188	Đặng Phạm Đăng	Khoa	26DHDT06	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
330	2002260188	Đặng Phạm Đăng	Khoa	26DHDT06	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
331	2004260245	Lê Anh	Khoa	26DHHH10	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
332	2004260245	Lê Anh	Khoa	26DHHH10	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
333	2004260245	Lê Anh	Khoa	26DHHH10	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
334	2004260255	Trương Trần Anh	Khoa	26DHHH04	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
335	2004260255	Trương Trần Anh	Khoa	26DHHH04	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
336	2004260255	Trương Trần Anh	Khoa	26DHHH04	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
337	2008260134	Nguyễn Đăng	Khoa	26DHSH03	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
338	2008260134	Nguyễn Đăng	Khoa	26DHSH03	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
339	2008260134	Nguyễn Đăng	Khoa	26DHSH03	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
340	2013260183	Nguyễn Trần Anh	Khoa	26DHQTKD02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
341	2013260183	Nguyễn Trần Anh	Khoa	26DHQTKD02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
342	2013260183	Nguyễn Trần Anh	Khoa	26DHQTKD02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
343	2032260134	Nguyễn Đăng	Khoa	26DHTDH02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
344	2032260134	Nguyễn Đăng	Khoa	26DHTDH02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
345	2032260134	Nguyễn Đăng	Khoa	26DHTDH02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
346	2034260071	Hồ Đăng	Khoa	26DHNA02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
347	2034260071	Hồ Đăng	Khoa	26DHNA02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
348	2034260071	Hồ Đăng	Khoa	26DHNA02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
349	2034260074	Trần Đăng	Khoa	26DHNA02	IELTS 7,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
350	2034260074	Trần Đăng	Khoa	26DHNA02	IELTS 7,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
351	2034260074	Trần Đăng	Khoa	26DHNA02	IELTS 7,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
352	2037260107	Hồ Văn	Khoa	26DHKTL01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
353	2037260107	Hồ Văn	Khoa	26DHKTL01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
354	2037260107	Hồ Văn	Khoa	26DHKTL01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
355	2041260072	Trần Đăng	Khoa	26DHQTP03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
356	2041260072	Trần Đăng	Khoa	26DHQTP03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
357	2041260072	Trần Đăng	Khoa	26DHQTP03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
358	2024260113	Lê Hoàng Anh	Khôi	26DHQTDVLH03	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
359	2024260113	Lê Hoàng Anh	Khôi	26DHQTDVLH03	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
360	2024260113	Lê Hoàng Anh	Khôi	26DHQTDVLH03	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
361	2032260139	Nguyễn Viết Minh	Khôi	26DHTDH05	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
362	2032260139	Nguyễn Viết Minh	Khôi	26DHTDH05	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
363	2032260139	Nguyễn Viết Minh	Khôi	26DHTDH05	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
364	2045260086	Huỳnh Lý Nguyên	Khôi	26DHKHDL02	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
365	2045260086	Huỳnh Lý Nguyên	Khôi	26DHKHDL02	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
366	2045260086	Huỳnh Lý Nguyên	Khôi	26DHKHDL02	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
367	2050260053	Nguyễn Hoàng	Khương	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
368	2050260053	Nguyễn Hoàng	Khương	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
369	2050260053	Nguyễn Hoàng	Khương	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
370	2005260222	Thân Thanh	Lam	26DHTP05	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
371	2003260167	Nguyễn Hoàng Phương	Lâm	26DHCK01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
372	2003260167	Nguyễn Hoàng Phương	Lâm	26DHCK01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
373	2003260167	Nguyễn Hoàng Phương	Lâm	26DHCK01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
374	2030260114	Nguyễn Trần Hoàng	Lâm	26DHQTDVNH01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
375	2030260114	Nguyễn Trần Hoàng	Lâm	26DHQTDVNH01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
376	2030260114	Nguyễn Trần Hoàng	Lâm	26DHQTDVNH01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
377	2007260185	Nguyễn Hương	Liên	26DHKT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
378	2007260185	Nguyễn Hương	Liên	26DHKT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
379	2007260185	Nguyễn Hương	Liên	26DHKT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
380	2007260196	Nguyễn Phương	Linh	26DHKT01	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
381	2007260196	Nguyễn Phương	Linh	26DHKT01	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
382	2007260196	Nguyễn Phương	Linh	26DHKT01	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
383	2031260059	Ngô Khả	Linh	26DHQLMT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
384	2031260059	Ngô Khả	Linh	26DHQLMT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
385	2031260059	Ngô Khả	Linh	26DHQLMT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
386	2001260274	Đặng Hải	Long	26DHTH09	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
387	2001260274	Đặng Hải	Long	26DHTH09	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
388	2001260274	Đặng Hải	Long	26DHTH09	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
389	2002260204	Lê Hoàng	Long	26DHDT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
390	2002260204	Lê Hoàng	Long	26DHDT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
391	2002260204	Lê Hoàng	Long	26DHDT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
392	2002260213	Vũ Hoàng	Long	26DHDT06	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
393	2002260213	Vũ Hoàng	Long	26DHDT06	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
394	2002260213	Vũ Hoàng	Long	26DHDT06	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
395	2005260246	Ngô Bá Minh	Long	26DHTP01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
396	2005260246	Ngô Bá Minh	Long	26DHTP01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
397	2005260246	Ngô Bá Minh	Long	26DHTP01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
398	2042260103	Nguyễn Thành	Long	26DHKT03	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
399	2042260103	Nguyễn Thành	Long	26DHKT03	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
400	2042260103	Nguyễn Thành	Long	26DHKT03	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
401	2044260159	Ngô Hoàng	Long	26DHTMDT03	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
402	2044260159	Ngô Hoàng	Long	26DHTMDT03	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
403	2044260159	Ngô Hoàng	Long	26DHTMDT03	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
404	2033260127	Đặng Hữu	Lộc	26DHBM03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
405	2033260127	Đặng Hữu	Lộc	26DHBM03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
406	2033260127	Đặng Hữu	Lộc	26DHBM03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
407	2036260138	Vũ Thành	Luân	26DHKDQT06	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
408	2036260138	Vũ Thành	Luân	26DHKDQT06	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
409	2036260138	Vũ Thành	Luân	26DHKDQT06	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
410	2006260205	Tô Châu Huỳnh	Mai	26DHCBS03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
411	2006260205	Tô Châu Huỳnh	Mai	26DHCBS03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
412	2006260205	Tô Châu Huỳnh	Mai	26DHCBS03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
413	2040260171	Lê Văn Đức	Mạnh	26DHQTMK07	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
414	2040260171	Lê Văn Đức	Mạnh	26DHQTMK07	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
415	2040260171	Lê Văn Đức	Mạnh	26DHQTMK07	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
416	2001260303	Nguyễn Hoàng	Minh	26DHTH03	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
417	2001260303	Nguyễn Hoàng	Minh	26DHTH03	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
418	2001260303	Nguyễn Hoàng	Minh	26DHTH03	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
419	2001260310	Vương Bảo	Minh	26DHTH03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
420	2001260310	Vương Bảo	Minh	26DHTH03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
421	2001260310	Vương Bảo	Minh	26DHTH03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
422	2006260027	Lê Hoàng	Minh	26DHCBS01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
423	2006260027	Lê Hoàng	Minh	26DHCBS01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
424	2006260027	Lê Hoàng	Minh	26DHCBS01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
425	2007260230	Phạm Nhật	Minh	26DHKT09	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
426	2007260230	Phạm Nhật	Minh	26DHKT09	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
427	2007260230	Phạm Nhật	Minh	26DHKT09	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
428	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
429	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
430	2025260215	Nguyễn Cao	Minh	26DHCDT03	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
431	2047260187	Đồng Lê Quang	Minh	26DHQTCCU02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
432	2047260187	Đồng Lê Quang	Minh	26DHQTCCU02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
433	2047260187	Đồng Lê Quang	Minh	26DHQTCCU02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
434	2047260188	Đặng Ngọc	Minh	26DHQTCCU03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
435	2047260188	Đặng Ngọc	Minh	26DHQTCCU03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
436	2047260188	Đặng Ngọc	Minh	26DHQTCCU03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
437	2050260064	Nguyễn Đào Nhật	Minh	26DHTTNT01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
438	2050260064	Nguyễn Đào Nhật	Minh	26DHTTNT01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
439	2050260064	Nguyễn Đào Nhật	Minh	26DHTTNT01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
440	2005260274	Phạm Tường Hạ	My	26DHTP09	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
441	2005260274	Phạm Tường Hạ	My	26DHTP09	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
442	2005260274	Phạm Tường Hạ	My	26DHTP09	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
443	2036260147	Bùi Thị Hiền	My	26DHKDQT05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
444	2036260147	Bùi Thị Hiền	My	26DHKDQT05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
445	2036260147	Bùi Thị Hiền	My	26DHKDQT05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
446	2036260150	Nguyễn Thị Trà	My	26DHKDQT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
447	2036260150	Nguyễn Thị Trà	My	26DHKDQT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
448	2036260150	Nguyễn Thị Trà	My	26DHKDQT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
449	2041260097	Phạm Ngọc Trà	My	26DHQTPP02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
450	2041260097	Phạm Ngọc Trà	My	26DHQTPP02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
451	2041260097	Phạm Ngọc Trà	My	26DHQTPP02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
452	2044260188	Trần Hoán	My	26DHTMDT03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
453	2044260188	Trần Hoán	My	26DHTMDT03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
454	2044260188	Trần Hoán	My	26DHTMDT03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
455	2047260197	Nguyễn Hoàng	My	26DHQTCCU01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
456	2047260197	Nguyễn Hoàng	My	26DHQTCCU01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
457	2047260197	Nguyễn Hoàng	My	26DHQTCCU01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
458	2051260076	Kim Nguyễn Trà	My	26DHQLCN01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
459	2051260076	Kim Nguyễn Trà	My	26DHQLCN01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
460	2051260076	Kim Nguyễn Trà	My	26DHQLCN01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
461	2047260214	Nguyễn Thị Thu	Nga	26DHQTCCU02	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
462	2004260340	Trần Thị Thanh	Ngân	26DHHH07	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
463	2004260340	Trần Thị Thanh	Ngân	26DHHH07	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
464	2004260340	Trần Thị Thanh	Ngân	26DHHH07	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
465	2051260081	Vũ Ngọc Bảo	Ngân	26DHQLCN01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
466	2051260081	Vũ Ngọc Bảo	Ngân	26DHQLCN01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
467	2051260081	Vũ Ngọc Bảo	Ngân	26DHQLCN01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
468	2041260107	Nguyễn Phương	Nghi	26DHQTPP02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
469	2041260107	Nguyễn Phương	Nghi	26DHQTPP02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
470	2041260107	Nguyễn Phương	Nghi	26DHQTPP02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
471	2008260219	Trịnh Minh	Ngọc	26DHS02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
472	2008260219	Trịnh Minh	Ngọc	26DHS02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
473	2008260219	Trịnh Minh	Ngọc	26DHS02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
474	2028260095	Huỳnh Lâm Bảo	Ngọc	26DHDD01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
475	2028260095	Huỳnh Lâm Bảo	Ngọc	26DHDD01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
476	2028260095	Huỳnh Lâm Bảo	Ngọc	26DHDD01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
477	2044260226	Trần Võ Như	Ngọc	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
478	2044260226	Trần Võ Như	Ngọc	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
479	2044260226	Trần Võ Như	Ngọc	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
480	2007260303	Hoàng Nhật	Nguyên	26DHKT04	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
481	2036260172	Nguyễn Ngọc Thanh	Nguyên	26DHKDQT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
482	2036260172	Nguyễn Ngọc Thanh	Nguyên	26DHKDQT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
483	2036260172	Nguyễn Ngọc Thanh	Nguyên	26DHKDQT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
484	2046260131	Đặng Hoàng Khôi	Nguyên	26DHCNTC01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
485	2046260131	Đặng Hoàng Khôi	Nguyên	26DHCNTC01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
486	2046260131	Đặng Hoàng Khôi	Nguyên	26DHCNTC01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
487	2047260245	Nguyễn Thảo	Nguyên	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
488	2047260245	Nguyễn Thảo	Nguyên	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
489	2047260245	Nguyễn Thảo	Nguyên	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
490	2050260073	Nguyễn Khôi	Nguyên	26DHTTNT02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
491	2050260073	Nguyễn Khôi	Nguyên	26DHTTNT02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
492	2050260073	Nguyễn Khôi	Nguyên	26DHTTNT02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
493	2051260091	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	26DHQLCN01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
494	2051260091	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	26DHQLCN01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
495	2051260091	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	26DHQLCN01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
496	2044260237	Vũ Thanh	Nhàn	26DHTMDT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
497	2044260237	Vũ Thanh	Nhân	26DHTMDT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
498	2044260237	Vũ Thanh	Nhân	26DHTMDT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
499	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Tiếng Anh 1	3	Anh văn 1	3	6,5	Được miễn giảm
500	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Tiếng Anh 2	3	Anh văn 2	3	7,0	Được miễn giảm
501	2025260242	Lê Thanh	Nhân	26DHCDT04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
502	2025260242	Lê Thanh	Nhân	26DHCDT04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
503	2025260242	Lê Thanh	Nhân	26DHCDT04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
504	2031260083	Ngô Tùng	Nhân	26DHQLMT01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
505	2031260083	Ngô Tùng	Nhân	26DHQLMT01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
506	2031260083	Ngô Tùng	Nhân	26DHQLMT01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
507	2032260189	Vũ Thanh	Nhân	26DHTDH03	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
508	2032260189	Vũ Thanh	Nhân	26DHTDH03	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
509	2032260189	Vũ Thanh	Nhân	26DHTDH03	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
510	2048260184	Nguyễn Nghĩa	Nhân	26DHDULICH01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
511	2048260184	Nguyễn Nghĩa	Nhân	26DHDULICH01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
512	2048260184	Nguyễn Nghĩa	Nhân	26DHDULICH01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
513	2002260261	Đoàn Khánh	Nhật	26DHDT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
514	2002260261	Đoàn Khánh	Nhật	26DHDT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
515	2002260261	Đoàn Khánh	Nhật	26DHDT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
516	2033260162	Nguyễn Lê	Nhật	26DHBM04	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
517	2004260395	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	26DHHH01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
518	2004260395	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	26DHHH01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
519	2004260395	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	26DHHH01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
520	2008260242	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	26DHSH05	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
521	2008260242	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	26DHSH05	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
522	2008260242	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	26DHSH05	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
523	2008260247	Trần Ngọc Yến	Nhi	26DHS05	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
524	2008260247	Trần Ngọc Yến	Nhi	26DHS05	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
525	2008260247	Trần Ngọc Yến	Nhi	26DHS05	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
526	2022260187	Trần Phạm Đông	Nhi	26DHDB01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
527	2022260187	Trần Phạm Đông	Nhi	26DHDB01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
528	2022260187	Trần Phạm Đông	Nhi	26DHDB01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
529	2029260293	Trần Vũ Ý	Nhi	26DHAV05	IELTS 7,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
530	2029260293	Trần Vũ Ý	Nhi	26DHAV05	IELTS 7,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
531	2029260293	Trần Vũ Ý	Nhi	26DHAV05	IELTS 7,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
532	2036260186	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26DHKDQT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
533	2036260186	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26DHKDQT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
534	2036260186	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26DHKDQT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
535	2037260151	Đặng Thị Yến	Nhi	26DHKTL02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
536	2037260151	Đặng Thị Yến	Nhi	26DHKTL02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
537	2037260151	Đặng Thị Yến	Nhi	26DHKTL02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
538	2039260168	Nguyễn Phương	Nhi	26DHTQ05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
539	2039260168	Nguyễn Phương	Nhi	26DHTQ05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
540	2039260168	Nguyễn Phương	Nhi	26DHTQ05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
541	2044260255	Trần Ngọc Phương	Nhi	26DHTMDT02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
542	2044260255	Trần Ngọc Phương	Nhi	26DHTMDT02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
543	2044260255	Trần Ngọc Phương	Nhi	26DHTMDT02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
544	2048260199	Trần Thảo	Nhi	26DHDULICH03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
545	2048260199	Trần Thảo	Nhi	26DHDULICH03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
546	2048260199	Trần Thảo	Nhi	26DHDULICH03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
547	2040260253	Phan Thị Hồng	Nhung	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
548	2040260253	Phan Thị Hồng	Nhung	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
549	2040260253	Phan Thị Hồng	Nhung	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
550	2044260261	Đỗ Hồng	Nhung	26DHTMDT06	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
551	2044260261	Đỗ Hồng	Nhung	26DHTMDT06	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
552	2044260261	Đỗ Hồng	Nhung	26DHTMDT06	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
553	2005260386	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	26DHTP02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
554	2005260386	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	26DHTP02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
555	2005260386	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	26DHTP02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
556	2029250302	Lê Quỳnh	Như	16DHAV04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
557	2029250302	Lê Quỳnh	Như	16DHAV04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
558	2029250302	Lê Quỳnh	Như	16DHAV04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
559	2044260272	Trương Quỳnh	Như	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
560	2044260272	Trương Quỳnh	Như	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
561	2044260272	Trương Quỳnh	Như	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
562	2001260374	Liêu Minh	Nhật	26DHTH07	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
563	2001260374	Liêu Minh	Nhật	26DHTH07	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
564	2001260374	Liêu Minh	Nhật	26DHTH07	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
565	2002260272	Lê Tấn	Phát	26DHDT03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
566	2002260272	Lê Tấn	Phát	26DHDT03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
567	2002260272	Lê Tấn	Phát	26DHDT03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
568	2004260429	Nguyễn Hưng	Phát	26DHHH02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
569	2004260429	Nguyễn Hưng	Phát	26DHHH02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
570	2004260429	Nguyễn Hưng	Phát	26DHHH02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
571	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
572	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
573	2004260431	Phan Nguyễn Tuấn	Phát	26DHHH02	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
574	2034260132	Trần Hồng	Phát	26DHNA01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
575	2034260132	Trần Hồng	Phát	26DHNA01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
576	2034260132	Trần Hồng	Phát	26DHNA01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
577	2050260084	Nguyễn Long	Phi	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
578	2050260084	Nguyễn Long	Phi	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
579	2050260084	Nguyễn Long	Phi	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
580	2004260438	Nguyễn Huy	Phong	26DHHH02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
581	2004260438	Nguyễn Huy	Phong	26DHHH02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
582	2004260438	Nguyễn Huy	Phong	26DHHH02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
583	2008260265	Lê Nguyễn Hoài	Phong	26DHS06	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
584	2044260279	Bùi Tiến	Phong	26DHTMDT03	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
585	2044260279	Bùi Tiến	Phong	26DHTMDT03	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
586	2044260279	Bùi Tiến	Phong	26DHTMDT03	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
587	2046260154	Đặng Hoàng	Phong	26DHCNTC01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
588	2046260154	Đặng Hoàng	Phong	26DHCNTC01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
589	2046260154	Đặng Hoàng	Phong	26DHCNTC01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
590	2005260407	Trần Hữu	Phú	26DHTP02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
591	2005260407	Trần Hữu	Phú	26DHTP02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
592	2005260407	Trần Hữu	Phú	26DHTP02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
593	2036260207	Lương Triệu	Phú	26DHKDQT04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
594	2036260207	Lương Triệu	Phú	26DHKDQT04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
595	2036260207	Lương Triệu	Phú	26DHKDQT04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
596	2025260261	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	26DHCDT05	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
597	2025260261	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	26DHCDT05	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
598	2025260261	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	26DHCDT05	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
599	2032260209	Lê Tuấn	Phúc	26DHTDH02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
600	2032260209	Lê Tuấn	Phúc	26DHTDH02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
601	2032260209	Lê Tuấn	Phúc	26DHTDH02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
602	2033260182	Nguyễn Gia	Phúc	26DHBM02	IELTS 7,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
603	2033260182	Nguyễn Gia	Phúc	26DHBM02	IELTS 7,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
604	2033260182	Nguyễn Gia	Phúc	26DHBM02	IELTS 7,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
605	2033260184	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHBM01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
606	2033260184	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHBM01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
607	2033260184	Nguyễn Tấn	Phúc	26DHBM01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
608	2051260101	Nguyễn Như	Phúc	26DHQLCN02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
609	2051260101	Nguyễn Như	Phúc	26DHQLCN02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
610	2051260101	Nguyễn Như	Phúc	26DHQLCN02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
611	2037260178	Nguyễn Hoàng Trúc	Phuong	26DHKTL01	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
612	2037260178	Nguyễn Hoàng Trúc	Phuong	26DHKTL01	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
613	2037260178	Nguyễn Hoàng Trúc	Phuong	26DHKTL01	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
614	2044260299	Lưu Huỳnh Kim	Quang	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
615	2044260299	Lưu Huỳnh Kim	Quang	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
616	2044260299	Lưu Huỳnh Kim	Quang	26DHTMDT01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
617	2001260445	Nguyễn Anh	Quân	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
618	2001260445	Nguyễn Anh	Quân	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
619	2001260445	Nguyễn Anh	Quân	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
620	2042260130	Nguyễn Lê Minh	Quân	26DHKTN02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
621	2042260130	Nguyễn Lê Minh	Quân	26DHKTN02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
622	2042260130	Nguyễn Lê Minh	Quân	26DHKTN02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
623	2036260219	Dương Trung	Quốc	26DHKDQT06	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
624	2036260219	Dương Trung	Quốc	26DHKDQT06	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
625	2036260219	Dương Trung	Quốc	26DHKDQT06	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
626	2047260305	Phạm Phú	Quý	26DHQTCCU06	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
627	2047260305	Phạm Phú	Quý	26DHQTCCU06	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
628	2047260305	Phạm Phú	Quý	26DHQTCCU06	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
629	2008260294	Trần Thái Bảo	Quyên	26DHS01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
630	2008260294	Trần Thái Bảo	Quyên	26DHS01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
631	2008260294	Trần Thái Bảo	Quyên	26DHS01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
632	2041260147	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	26DHQTTTP01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
633	2041260147	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	26DHQTTTP01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
634	2041260147	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	26DHQTTTP01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
635	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
636	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
637	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
638	2004260490	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	26DHHH06	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
639	2004260490	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	26DHHH06	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
640	2004260490	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	26DHHH06	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
641	2022260219	Nguyễn Như	Quỳnh	26DHDB04	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
642	2047260313	Trương Như	Quỳnh	26DHQTCCU06	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
643	2047260313	Trương Như	Quỳnh	26DHQTCCU06	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
644	2047260313	Trương Như	Quỳnh	26DHQTCCU06	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
645	2001260486	Vũ Nhật	Tài	26DHTH08	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
646	2001260486	Vũ Nhật	Tài	26DHTH08	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
647	2001260486	Vũ Nhật	Tài	26DHTH08	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
648	2032260233	Phạm Phú Thành	Tài	26DHTDH02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
649	2032260233	Phạm Phú Thành	Tài	26DHTDH02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
650	2032260233	Phạm Phú Thành	Tài	26DHTDH02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
651	2023260300	Thạch Bửu Minh	Tâm	26DHNH03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
652	2023260300	Thạch Bửu Minh	Tâm	26DHNH03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
653	2023260300	Thạch Bửu Minh	Tâm	26DHNH03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
654	2044260326	Lê Thanh	Tâm	26DHTMDT05	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
655	2044260326	Lê Thanh	Tâm	26DHTMDT05	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
656	2044260326	Lê Thanh	Tâm	26DHTMDT05	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
657	2033260200	Lê Nhựt	Tân	26DHBM02	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
658	2033260200	Lê Nhựt	Tân	26DHBM02	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
659	2033260200	Lê Nhựt	Tân	26DHBM02	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
660	2040260316	Nguyễn Anh Hoàng	Tây	26DHQTMK07	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
661	2040260316	Nguyễn Anh Hoàng	Tây	26DHQTMK07	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
662	2040260316	Nguyễn Anh Hoàng	Tây	26DHQTMK07	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
663	2044260329	Hồ Thủy	Tiền	26DHTMDT06	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
664	2044260329	Hồ Thủy	Tiền	26DHTMDT06	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
665	2044260329	Hồ Thủy	Tiền	26DHTMDT06	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
666	2045260159	Đoàn Thị Ngọc	Tiền	26DHKHDL03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
667	2045260159	Đoàn Thị Ngọc	Tiền	26DHKHDL03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
668	2045260159	Đoàn Thị Ngọc	Tiền	26DHKHDL03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
669	2003260264	Đỗ Minh	Tiến	26DHCK01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
670	2003260264	Đỗ Minh	Tiến	26DHCK01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
671	2003260264	Đỗ Minh	Tiến	26DHCK01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
672	2047260331	Nguyễn Viết	Tiến	26DHQTCCU06	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
673	2047260331	Nguyễn Viết	Tiến	26DHQTCCU06	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
674	2047260331	Nguyễn Viết	Tiến	26DHQTCCU06	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
675	2001260505	Nguyễn Trọng	Tín	26DHTH04	IELTS 7,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
676	2001260505	Nguyễn Trọng	Tín	26DHTH04	IELTS 7,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
677	2001260505	Nguyễn Trọng	Tín	26DHTH04	IELTS 7,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
678	2036260242	Nguyễn Đức	Toàn	26DHKDQT01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
679	2036260242	Nguyễn Đức	Toàn	26DHKDQT01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
680	2036260242	Nguyễn Đức	Toàn	26DHKDQT01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
681	2001260511	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	26DHTH09	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
682	2001260511	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	26DHTH09	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
683	2001260511	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	26DHTH09	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
684	2037260210	Bùi Hoàng Thái	Tú	26DHKTL05	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
685	2037260210	Bùi Hoàng Thái	Tú	26DHKTL05	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
686	2037260210	Bùi Hoàng Thái	Tú	26DHKTL05	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
687	2040260326	Nguyễn Đức Anh	Tú	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
688	2040260326	Nguyễn Đức Anh	Tú	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
689	2040260326	Nguyễn Đức Anh	Tú	26DHQTMK01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
690	2044260334	Đỗ Lê Minh	Tú	26DHTMDT04	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
691	2044260334	Đỗ Lê Minh	Tú	26DHTMDT04	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
692	2044260334	Đỗ Lê Minh	Tú	26DHTMDT04	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
693	2005260479	Lý Minh	Tuấn	26DHTP06	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
694	2005260479	Lý Minh	Tuấn	26DHTP06	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
695	2005260479	Lý Minh	Tuấn	26DHTP06	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
696	2028260146	Dương	Tuấn	26DHDD01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
697	2028260146	Dương	Tuấn	26DHDD01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
698	2028260146	Dương	Tuấn	26DHDD01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
699	2029260363	Thái Bảo	Tuấn	26DHAV04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
700	2029260363	Thái Bảo	Tuấn	26DHAV04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
701	2029260363	Thái Bảo	Tuấn	26DHAV04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
702	2036260344	Phạm Đình Minh	Tuấn	26DHKDQT03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
703	2036260344	Phạm Đình Minh	Tuấn	26DHKDQT03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
704	2036260344	Phạm Đình Minh	Tuấn	26DHKDQT03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
705	2040260331	Nguyễn Thanh	Tuấn	26DHQTMK02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
706	2040260331	Nguyễn Thanh	Tuấn	26DHQTMK02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
707	2040260331	Nguyễn Thanh	Tuấn	26DHQTMK02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
708	2005260482	Đỗ Phúc Hiếu	Tuệ	26DHTP07	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
709	2005260482	Đỗ Phúc Hiếu	Tuệ	26DHTP07	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
710	2005260482	Đỗ Phúc Hiếu	Tuệ	26DHTP07	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
711	2033260211	Lê Thị Cát	Tường	26DHBM02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
712	2033260211	Lê Thị Cát	Tường	26DHBM02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
713	2033260211	Lê Thị Cát	Tường	26DHBM02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
714	2036260249	Lý Mỹ Cát	Tường	26DHKDQT06	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
715	2036260249	Lý Mỹ Cát	Tường	26DHKDQT06	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
716	2036260249	Lý Mỹ Cát	Tường	26DHKDQT06	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
717	2001260535	Huỳnh Hữu	Thái	26DHTH05	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
718	2001260535	Huỳnh Hữu	Thái	26DHTH05	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
719	2001260535	Huỳnh Hữu	Thái	26DHTH05	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
720	2025260330	Phạm Ngọc	Thái	26DHCDT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
721	2025260330	Phạm Ngọc	Thái	26DHCDT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
722	2025260330	Phạm Ngọc	Thái	26DHCDT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
723	2004260563	Nguyễn Ngọc	Thành	26DHHH09	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
724	2004260563	Nguyễn Ngọc	Thành	26DHHH09	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
725	2004260563	Nguyễn Ngọc	Thành	26DHHH09	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
726	2004260566	Lê Ngọc Thanh	Thảo	26DHHH11	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
727	2004260566	Lê Ngọc Thanh	Thảo	26DHHH11	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
728	2004260566	Lê Ngọc Thanh	Thảo	26DHHH11	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
729	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Tiếng Anh nâng cao 2	3	Anh văn 3	2	6,8	Được miễn giảm
730	2030260265	Nguyễn Minh	Thảo	26DHQTDVNH05	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
731	2030260265	Nguyễn Minh	Thảo	26DHQTDVNH05	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
732	2030260265	Nguyễn Minh	Thảo	26DHQTDVNH05	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
733	2047260355	Lê Phương	Thảo	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
734	2047260355	Lê Phương	Thảo	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
735	2047260355	Lê Phương	Thảo	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
736	2047260355	Lê Phương	Thảo	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
737	2047260355	Lê Phương	Thảo	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
738	2047260355	Lê Phương	Thảo	26DHQTCCU04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
739	2005260516	Lê Đức	Thắng	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
740	2005260516	Lê Đức	Thắng	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
741	2005260516	Lê Đức	Thắng	26DHTP02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
742	2032260269	Lê Nguyễn Tất	Thắng	26DHTDH05	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
743	2032260269	Lê Nguyễn Tất	Thắng	26DHTDH05	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
744	2032260269	Lê Nguyễn Tất	Thắng	26DHTDH05	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
745	2013260412	Nguyễn Thị Yên	Thi	26DHQTKD01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
746	2013260412	Nguyễn Thị Yên	Thi	26DHQTKD01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
747	2013260412	Nguyễn Thị Yên	Thi	26DHQTKD01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
748	2036260258	Phạm Trần Minh	Thi	26DHKDQT03	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
749	2036260258	Phạm Trần Minh	Thi	26DHKDQT03	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
750	2036260258	Phạm Trần Minh	Thi	26DHKDQT03	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
751	2051260129	Lương Thị Kim	Thi	26DHQLCN03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
752	2051260129	Lương Thị Kim	Thi	26DHQLCN03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
753	2051260129	Lương Thị Kim	Thi	26DHQLCN03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
754	2004260587	Lê Chí Trường	Thịnh	26DHHH08	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
755	2004260587	Lê Chí Trường	Thịnh	26DHHH08	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
756	2004260587	Lê Chí Trường	Thịnh	26DHHH08	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
757	2013260420	Võ Xuân	Thịnh	26DHQTKD01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
758	2013260420	Võ Xuân	Thịnh	26DHQTKD01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
759	2013260420	Võ Xuân	Thịnh	26DHQTKD01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
760	2045260183	Trần Nguyễn Thái	Thịnh	26DHKHDL01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
761	2045260183	Trần Nguyễn Thái	Thịnh	26DHKHDL01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
762	2045260183	Trần Nguyễn Thái	Thịnh	26DHKHDL01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
763	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	9,0	Được miễn giảm
764	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Anh văn 2	3	Anh văn 2	2	8,4	Được miễn giảm
765	2028260158	Lê Minh	Thuận	26DHDD01	Anh văn 3	3	Anh văn 3	2	9,2	Được miễn giảm
766	2005260547	Nguyễn Phương	Thùy	26DHTP04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
767	2005260547	Nguyễn Phương	Thùy	26DHTP04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
768	2005260547	Nguyễn Phương	Thùy	26DHTP04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
769	2047260375	Hồ Thị Thanh	Thúy	26DHQTCCU01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
770	2047260375	Hồ Thị Thanh	Thúy	26DHQTCCU01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
771	2047260375	Hồ Thị Thanh	Thúy	26DHQTCCU01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
772	2005260569	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	26DHTP01	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
773	2005260569	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	26DHTP01	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
774	2005260569	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	26DHTP01	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
775	2009260104	Nguyễn Trần Uyên	Thư	26DHMT01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
776	2009260104	Nguyễn Trần Uyên	Thư	26DHMT01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
777	2009260104	Nguyễn Trần Uyên	Thư	26DHMT01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
778	2009260105	Trần Nguyễn Minh	Thư	26DHMT01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
779	2009260105	Trần Nguyễn Minh	Thư	26DHMT01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
780	2009260105	Trần Nguyễn Minh	Thư	26DHMT01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
781	2027260182	Lê Anh	Thư	26DHCM03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
782	2027260182	Lê Anh	Thư	26DHCM03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
783	2027260182	Lê Anh	Thư	26DHCM03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
784	2033260225	Nguyễn Trần Thanh	Thư	26DHBM01	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
785	2047260380	Nguyễn Anh	Thư	26DHQTCCU01	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
786	2047260380	Nguyễn Anh	Thư	26DHQTCCU01	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
787	2047260380	Nguyễn Anh	Thư	26DHQTCCU01	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
788	2047260390	Vũ Hà Anh	Thư	26DHQTCCU06	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
789	2047260390	Vũ Hà Anh	Thư	26DHQTCCU06	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
790	2047260390	Vũ Hà Anh	Thư	26DHQTCCU06	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
791	2036260287	Hồ Phạm Anh	Thy	26DHKDQT05	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
792	2036260287	Hồ Phạm Anh	Thy	26DHKDQT05	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
793	2036260287	Hồ Phạm Anh	Thy	26DHKDQT05	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
794	2036260291	Nguyễn Trần Minh	Thy	26DHKDQT02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
795	2036260291	Nguyễn Trần Minh	Thy	26DHKDQT02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
796	2036260291	Nguyễn Trần Minh	Thy	26DHKDQT02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
797	2043260158	Bùi Hoàng Minh	Thy	26DHKDTT01	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
798	2043260158	Bùi Hoàng Minh	Thy	26DHKDTT01	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
799	2043260158	Bùi Hoàng Minh	Thy	26DHKDTT01	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
800	2013260460	Phạm Nguyễn Huyền	Trang	26DHQTKD02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
801	2013260460	Phạm Nguyễn Huyền	Trang	26DHQTKD02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
802	2013260460	Phạm Nguyễn Huyền	Trang	26DHQTKD02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
803	2024260292	Bùi Quỳnh	Trang	26DHQTDVLH05	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
804	2024260292	Bùi Quỳnh	Trang	26DHQTDVLH05	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
805	2024260292	Bùi Quỳnh	Trang	26DHQTDVLH05	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
806	2036260296	Văn Thị Thuý	Trang	26DHKDQT02	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
807	2036260296	Văn Thị Thuý	Trang	26DHKDQT02	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
808	2036260296	Văn Thị Thuý	Trang	26DHKDQT02	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
809	2050260114	Trần Ngọc Yến	Trang	26DHTTNT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
810	2050260114	Trần Ngọc Yến	Trang	26DHTTNT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
811	2050260114	Trần Ngọc Yến	Trang	26DHTTNT01	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
812	2036260298	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	26DHKDQT04	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
813	2036260298	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	26DHKDQT04	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
814	2036260298	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	26DHKDQT04	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
815	2037260259	Nguyễn Võ Uyên	Trâm	26DHKTL01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
816	2037260259	Nguyễn Võ Uyên	Trâm	26DHKTL01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
817	2037260259	Nguyễn Võ Uyên	Trâm	26DHKTL01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
818	2013260473	Lê Ngọc Bảo	Trân	26DHQTKD01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
819	2013260473	Lê Ngọc Bảo	Trân	26DHQTKD01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
820	2013260473	Lê Ngọc Bảo	Trân	26DHQTKD01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
821	2033260235	Bùi Ngọc Quỳnh	Trân	26DHBM03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
822	2033260235	Bùi Ngọc Quỳnh	Trân	26DHBM03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
823	2033260235	Bùi Ngọc Quỳnh	Trân	26DHBM03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
824	2037260263	Ngô Trần Ngọc	Trân	26DHKTL01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
825	2037260263	Ngô Trần Ngọc	Trân	26DHKTL01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
826	2037260263	Ngô Trần Ngọc	Trân	26DHKTL01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
827	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Tiếng Anh giao tiếp 4	4	Anh văn 1	3	5,4	Được miễn giảm
828	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Tiếng Anh học thuật 1	4	Anh văn 2	3	5,2	Được miễn giảm
829	2002230603	Trần Minh	Trí	14DHDT01	Tiếng Anh học thuật 2	4	Anh văn 3	3	5,2	Được miễn giảm
830	2004260663	Phan Ngọc	Trí	26DHHH06	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
831	2004260663	Phan Ngọc	Trí	26DHHH06	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
832	2004260663	Phan Ngọc	Trí	26DHHH06	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
833	2005260626	Huỳnh Minh	Trí	26DHTP10	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
834	2005260626	Huỳnh Minh	Trí	26DHTP10	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
835	2005260626	Huỳnh Minh	Trí	26DHTP10	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
836	2009260110	Lê Minh	Trí	26DHMT02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
837	2009260110	Lê Minh	Trí	26DHMT02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
838	2009260110	Lê Minh	Trí	26DHMT02	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
839	2033260237	Trương Minh	Trí	26DHBM04	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
840	2045260193	Lê Quốc	Trí	26DHKHDL02	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
841	2045260193	Lê Quốc	Trí	26DHKHDL02	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
842	2045260193	Lê Quốc	Trí	26DHKHDL02	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
843	2050260117	Trịnh Minh	Trí	26DHTTNT01	IELTS 6,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
844	2050260117	Trịnh Minh	Trí	26DHTTNT01	IELTS 6,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
845	2050260117	Trịnh Minh	Trí	26DHTTNT01	IELTS 6,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
846	2002260416	Lê Vĩnh Bá	Trình	26DHDT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
847	2002260416	Lê Vĩnh Bá	Trình	26DHDT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
848	2002260416	Lê Vĩnh Bá	Trình	26DHDT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
849	2037260272	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	26DHKTL01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
850	2037260272	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	26DHKTL01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
851	2037260272	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	26DHKTL01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
852	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	IELTS 7,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
853	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	IELTS 7,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
854	2040260422	Nguyễn Thanh Minh	Trúc	26DHQTMK02	IELTS 7,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
855	2007260550	Võ Minh	Truyền	26DHKT04	VSTEP BẬC 4		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
856	2007260550	Võ Minh	Truyền	26DHKT04	VSTEP BẬC 4		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
857	2007260550	Võ Minh	Truyền	26DHKT04	VSTEP BẬC 4		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
858	2025260366	Bùi Nhật	Trường	26DHCDT06	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
859	2025260366	Bùi Nhật	Trường	26DHCDT06	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
860	2025260366	Bùi Nhật	Trường	26DHCDT06	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
861	2036260313	Nguyễn Đăng Ngân	Vạn	26DHKDQT04	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
862	2041260207	Phạm Thụy Khánh	Vân	26DHQTTP03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
863	2041260207	Phạm Thụy Khánh	Vân	26DHQTTP03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
864	2041260207	Phạm Thụy Khánh	Vân	26DHQTTP03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
865	2041260209	Trần Thanh	Vân	26DHQTTP03	IELTS 6,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
866	2041260209	Trần Thanh	Vân	26DHQTTP03	IELTS 6,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
867	2041260209	Trần Thanh	Vân	26DHQTTP03	IELTS 6,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
868	2024260327	Nguyễn Quốc	Việt	26DHQTDVLH01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
869	2024260327	Nguyễn Quốc	Việt	26DHQTDVLH01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
870	2024260327	Nguyễn Quốc	Việt	26DHQTDVLH01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
871	2045260201	Nguyễn Khánh	Vinh	26DHKHDL01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
872	2045260201	Nguyễn Khánh	Vinh	26DHKHDL01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
873	2045260201	Nguyễn Khánh	Vinh	26DHKHDL01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
874	2047260432	Nguyễn Thành	Vinh	26DHQTCCU02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
875	2047260432	Nguyễn Thành	Vinh	26DHQTCCU02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
876	2047260432	Nguyễn Thành	Vinh	26DHQTCCU02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
877	2003260328	Lại Quang	Vũ	26DHCK02	IELTS 4,0		Anh văn 1	2	8,0	Được miễn giảm
878	2004260712	Nguyễn Anh	Vũ	26DHHH01	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
879	2004260712	Nguyễn Anh	Vũ	26DHHH01	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
880	2004260712	Nguyễn Anh	Vũ	26DHHH01	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
881	2024260330	Nguyễn Lâm	Vũ	26DHQTDVLH04	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
882	2024260330	Nguyễn Lâm	Vũ	26DHQTDVLH04	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
883	2024260330	Nguyễn Lâm	Vũ	26DHQTDVLH04	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
884	2045260204	Đồng Minh	Vũ	26DHKHDL01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
885	2045260204	Đồng Minh	Vũ	26DHKHDL01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
886	2045260204	Đồng Minh	Vũ	26DHKHDL01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
887	2050260122	Lưu Văn	Vũ	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
888	2050260122	Lưu Văn	Vũ	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
889	2050260122	Lưu Văn	Vũ	26DHTTNT01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
890	2003260333	Nguyễn Duy	Vương	26DHCK01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
891	2003260333	Nguyễn Duy	Vương	26DHCK01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
892	2003260333	Nguyễn Duy	Vương	26DHCK01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
893	2033260255	Lê Ngọc	Vương	26DHBM04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
894	2033260255	Lê Ngọc	Vương	26DHBM04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
895	2033260255	Lê Ngọc	Vương	26DHBM04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
896	2001260649	Trần Hạ	Vy	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
897	2001260649	Trần Hạ	Vy	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
898	2001260649	Trần Hạ	Vy	26DHTH01	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
899	2040260440	Đỗ Tường	Vy	26DHQTMK04	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
900	2040260440	Đỗ Tường	Vy	26DHQTMK04	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
901	2040260440	Đỗ Tường	Vy	26DHQTMK04	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
902	2044260451	Phan Ngọc Khánh	Vy	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
903	2044260451	Phan Ngọc Khánh	Vy	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
904	2044260451	Phan Ngọc Khánh	Vy	26DHTMDT02	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
905	2013260551	Ngụy Như	Ý	26DHQTKD05	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
906	2013260551	Ngụy Như	Ý	26DHQTKD05	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
907	2013260551	Ngụy Như	Ý	26DHQTKD05	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
908	2028260216	Dương Thời	Ý	26DHDD01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
909	2028260216	Dương Thời	Ý	26DHDD01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
910	2028260216	Dương Thời	Ý	26DHDD01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
911	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Tiếng Anh 3	3	Anh văn 1	3	8,3	Được miễn giảm
912	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Tiếng Anh 4	3	Anh văn 2	3	7,7	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
913	2001221410	Lê Trần Kim	Đan	13DHTH01	Tiếng Anh 5	3	Anh văn 3	3	7,7	Được miễn giảm
914	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Tiếng Anh 1	3	Anh văn 1	3	8,2	Được miễn giảm
915	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Tiếng Anh 2	3	Anh văn 2	3	8,7	Được miễn giảm
916	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Tiếng Anh 3	3	Anh văn 3	3	7,6	Được miễn giảm
917	2038260132	Trương Nguyễn Thảo	Linh	26DHQTKS04	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
918	2038260132	Trương Nguyễn Thảo	Linh	26DHQTKS04	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
919	2038260132	Trương Nguyễn Thảo	Linh	26DHQTKS04	Chứng chỉ VSTEP bậc 4		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
920	2036260273	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	26DHKDQT02	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
921	2036260273	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	26DHKDQT02	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
922	2036260273	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	26DHKDQT02	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
923	2013260450	Lê Ngọc Quỳnh	Thy	26DHQTKD03	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
924	2013260450	Lê Ngọc Quỳnh	Thy	26DHQTKD03	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
925	2013260450	Lê Ngọc Quỳnh	Thy	26DHQTKD03	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
926	2013260066	Nguyễn Thanh	Dung	26DHQTKD03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
927	2013260066	Nguyễn Thanh	Dung	26DHQTKD03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
928	2013260066	Nguyễn Thanh	Dung	26DHQTKD03	Chứng chỉ VSTEP bậc 3		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
929	2005260638	Tạ Văn	Trường	26DHTP10	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
930	2005260638	Tạ Văn	Trường	26DHTP10	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
931	2005260638	Tạ Văn	Trường	26DHTP10	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
932	2013260568	Nguyễn Minh	Nghi	26DHQTKD08	IELTS 5,0		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
933	2013260568	Nguyễn Minh	Nghi	26DHQTKD08	IELTS 5,0		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
934	2013260568	Nguyễn Minh	Nghi	26DHQTKD08	IELTS 5,0		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
935	2047260250	Bùi Nguyễn Hoàng	Nhân	26DHQTCCU06	IELTS 4,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
936	2047260250	Bùi Nguyễn Hoàng	Nhân	26DHQTCCU06	IELTS 4,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
937	2047260250	Bùi Nguyễn Hoàng	Nhân	26DHQTCCU06	IELTS 4,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
938	2037260152	Lê Hoàn Bảo	Nhi	26DHKTL03	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
939	2037260152	Lê Hoàn Bảo	Nhi	26DHKTL03	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
940	2037260152	Lê Hoàn Bảo	Nhi	26DHKTL03	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm
941	2023260264	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHNH01	IELTS 5,5		Anh văn 1	2	10,0	Được miễn giảm
942	2023260264	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHNH01	IELTS 5,5		Anh văn 2	2	10,0	Được miễn giảm
943	2023260264	Nguyễn Hoàng	Phúc	26DHNH01	IELTS 5,5		Anh văn 3	2	10,0	Được miễn giảm

9. Khoa: Quản trị kinh doanh

1	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Quản trị đại cương	3	Quản trị học	3	5,7	Được miễn giảm
2	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Kinh tế học vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	8,0	Được miễn giảm
3	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Kinh tế học vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	6,6	Được miễn giảm
4	2013260093	Lê Nguyên	Đức	26DHQTKD02	Quản trị học	3	Quản trị học	3	7,3	Được miễn giảm
5	2213182002	Võ Thanh Phương	Trang	08DHLQT_LV	Quản trị học	2	Quản trị học (MH chuyển đổi)	2	6,2	Chờ xem xét
6	2213182002	Võ Thanh Phương	Trang	08DHLQT_LV	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô (MH chuyển đổi)	3	4,0	Chờ xem xét
7	2213182002	Võ Thanh Phương	Trang	08DHLQT_LV	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô (MH chuyển đổi)	3	7,6	Chờ xem xét
8	2023250018	Nguyễn Chí	Bảo	16DHNH04	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	7,0	Được miễn giảm
9	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	6,8	Được miễn giảm
10	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Quản trị học	3	Quản trị học	2	10,0	Được miễn giảm
11	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	5,1	Được miễn giảm
12	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	7,9	Được miễn giảm
13	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Quản trị học	3	Quản trị học	2	4,2	Được miễn giảm
14	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Nhập môn kinh doanh quốc tế	3	Kinh tế quốc tế	3	7,7	Không miễn giảm

10. Khoa: Tài chính kế toán

1	2007260033	Phạm Thị Vân	Anh	26DHKT07	Phương pháp nghiên cứu	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Tài chính - Kế toán	2	7,5	Được miễn giảm
2	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	6,9	Được miễn giảm
3	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	7,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Lý do đăng ký miễn giảm hoặc Học phần đã học ở cơ sở đào tạo khác		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
4	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Tài chính kế toán	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Tài chính kế toán	2	6,7	Được miễn giảm
5	2007260097	Đặng Thị Trà	Giang	26DHKT02	Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp	3	8,0	Được miễn giảm
6	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Kế toán tài chính 1	3	Kế toán tài chính 1	3	7,3	Được miễn giảm
7	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Kế toán tài chính 2	3	Kế toán tài chính 2	3	6,4	Được miễn giảm
8	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	5,0	Được miễn giảm
9	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	Tài chính công	3	5,9	Được miễn giảm
10	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Tài chính doanh nghiệp	3	6,7	Được miễn giảm
11	2007242020	Lưu Thị Phương	Thảo	15DHKT09	Thị trường tài chính	3	Thị trường tài chính	3	6,4	Được miễn giảm
12	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	6,6	Được miễn giảm
11. Khoa: Thương mại										
1	2047242261	Lê Nguyễn Thục	Quyên	15DHQTCCU01	Tiếp thị căn bản	3	Marketing căn bản	3	7,0	Được miễn giảm
2	2013260093	Lê Nguyên	Đức	26DHQTKD02	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3	8,5	Được miễn giảm
3	2029260408	Nguyễn Thị Anh	Thư	26DHAV06	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3	9,1	Được miễn giảm
4	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Nguyên lý marketing	3	Marketing căn bản	2	6,4	Được miễn giảm
5	2036230812	Nguyễn Thị Phương	Anh	14DHKDQT07	Marketing thương mại quốc tế	3	Marketing quốc tế	2	6,0	Được miễn giảm

Tổng danh sách: 1237 trường hợp

Được miễn giảm: 1232 trường hợp

Không miễn giảm: 05 trường hợp